**KHOANH TRÒN CHỮ CÁI ĐẦU ĐÁP ÁN ĐÚNG**

***Câu 1***. ***N¨m 2014, d©n sè n­íc ta lµ:***

 A. 79,7 triÖu ng­êi C. 80,9 triÖu ng­êi

 B. 80,7 triÖu ng­êi D. 90,7 triÖu ng­êi

***Câu 2. Ngµnh vËn t¶i cã khèi l­îng hµng ho¸ vËn chuyÓn lín nhÊt lµ?***

 A. §­êng s¾t C.§­êng s«ng

 B. §­êng bé D. §­êng biÓn

***Câu 3. Ý nào không thể hiện mặt mạnh của nguồn lao động nước ta ?***

 A.Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh

 B.Có khả năng tiếp thu khoa học , kĩ thuật

 C.Có trình độ chuyên môn giỏi, thể lực tốt

 D.Người lao động nước ta có kinh nghiệm trong sản xuất N- L-T sản.

**Câu 4: Ngành công nghiệp trọng điểm nào chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?**

1. Công nghiệp điện
2. Công nghiệp dệt may
3. Công nghiệp khai thác nhiên liệu
4. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm

**Câu 5: Tài nguyên du lịch tự nhiên nước ta *không* bao gồm:**

 A. Các hồ tự nhiên. B. Các bãi tắm đẹp.

 C. Các lễ hội truyền thống. D. Hang động đá vôi.

**C©u 6:** Cho b¶ng sè liÖu:

 S¶n l­îng thuû s¶n (ngh×n tÊn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm**  | **Tổng số** | **Chia ra** |
| ***Khai thác*** | ***Nuôi trồng*** |
| ***2000*** | 2250.9 | 1660.9 |  590.0 |
| ***2005*** | 3466.8 | 1987.9 | 1478.9 |
| ***2010*** | 5142.7 | 2414.4 | 2728.3 |
| ***2014*** | 6333.2 | 2920.4 | 3412.8 |

***Biểu đồ nào thích hợp thể hiện tốc độ gia tăng của sản lượng thủy sản, sản lượng khai thác và nuôi trồng?***

1. Đường B. Tròn C. Miền D. Cột

***Câu 7. Nhận xét nào đúng và khái quát nhất với bảng số liệu trên?***

1. Sản lượng thủy sản khai thác liên tục tăng.
2. Sản lượng thủy sản nuôi trồng liên tục tăng.
3. Tổng sản lượng thủy sản, sản lượng khai thác và nuôi trồng đều tăng.
4. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng mạnh hơn sản lượng khai thác.

**Câu 8:** ***Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta diễn ra theo hướng***

A. giảm tỉ trọng khu vực Nhà nước , tăng tỉ trọng khu vực ngoài Nhà nước.

B. giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp, khu vực công nghiệp – xây dựng . tăng tỉ trọng dịch vụ.

C. hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp , vùng tập trung công nghiệp.

D. tăng tỉ trọng khu vực nhà nước , giảm tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước.

***Câu 9.Quan sát lược đồ dân số (*** *trang 15- Át lát địa lý Việt Nam****), xác định tên các vùng lãnh thổ đông dân cư***

A.Đồng bằng sông Hồng, miền trung và Tây Nguyên

B. Duyên hải miền trung, đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng, một số tỉnh của Đông Nam Bộ và 1 số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

***Câu 10. Tỉ trọng khối lượng vận chuyển hàng hóa của đường sắt nhỏ lại giảm là do***

1. Các loại đường khác phát triển.
2. Cước phí vận chuyển quá cao.
3. Nước ta chưa có kỹ thuật xây dựng.
4. Tuổi thọ thấp, mất nhiều kinh phí bảo trì.

***Câu 11*: *Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu hiện nay của nước ta là***

A. máy móc, thiết bị, phụ tùng B. hàng tiêu dùng
C. nguyên, nhiên, vật liệu. D. công nghiệp nặng và khoáng sản.

***Câu 12.Bình quân lương thực đầu người nước ta liên tục tăng là do***

1. Mức tăng dân số nhanh hơn mức tăng sản lượng lương thực.
2. Mức tăng dân số chậm hơn mức tăng sản lượng lương thực.
3. Mức tăng dân số ngang mức tăng sản lượng lương thực.
4. Cả dân số và sản lượng lương thực đều giảm.

***Câu 13 Đông Nam Bộ là vùng có nhiều cây công nghiệp dẫn đầu cả nước***

1. Đúng B. Sai

***Câu 14 . Dựa vào atlat( Trang 19) Xác định 2 tỉnh có số lượng trâu bò lớn nhất nước ta*.**

1. Thanh Hóa, Nghệ An B. Điện Biên, Lai Châu
2. Sơn La, Quảng Ngãi D. Gia lai, Bình Định.

***Câu 15 : Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành***

1. công nghiệp dầu khí.

 B. công nghiệp điện tử.

 C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

 D. Công nghiệp cơ khí và hoá chất.

***Câu 16 . Dựa vào Atlat ( trang22), xác định tên các nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW của nước ta?***

A. Phả Lại, Cà Mau, Sơn La. B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mĩ.

C. Hòa Bình, Phú Mĩ, Phả Lại. D. Phả Lại, Phú Mĩ, Cà Mau**.**

***Câu 17: Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng giai đoạn 2000 – 2007 (giá so sánh năm 1994; đơn vị : nghìn tỉ đồng)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 2000 | 2007 |
| Dệt, may | 16,1 | 52,7 |
| Da, giày | 8,9 | 27,2 |
| Giấy in, văn phòng phẩm | 6,2 | 16,2 |

 Tỉ trọng ngành dệt, may trong cơ cấu giá trị sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta năm 2000 và 2007:

A. 51,6% và 54,8% C. 51,6% và 55,3%

B. 51,1% và 52,7% D. 51,1% và 53,4%

**Câu 18: Tuyến đường nào đi qua 6/7 vùng kinh tế của đất nước:**

A. Đường sắt Thống Nhất B. Quốc lộ 1A

C. Đường Hồ Chí Minh D. Đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 1A.

**Câu 19: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai TT dịch vụ lớn nhất ở nước ta** *không* **biểu hiện ở đặc điểm:**

A. Là nơi tập trung nhiều TTCN lớn nhất cả nước.

B. Là hai đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước

C. Là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn.

D. Là hai trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.

**Câu 20. Nước ta hòa mạng Internet vào năm**

1. 1986 B. 1995 C. 1997 D. 2000